



CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh
Laboratory & Office: No.39A, 4th Street, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3915 8936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013
Email: ktcviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 08586.2603/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.02619 2603
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.07368 2603
Trang/ Page: 1/ 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH CẤP NƯỚC HÀ LAN**
Địa chỉ/ Address : **Số 567, Ấp Hòa Thuận 2, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **12/03/2026** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **12-18/03/2026**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **19/03/2026**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch/ Domestic water** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **2 lít x 1 can/ 2 liters x 1 jerrycan**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước Sau Xử Lý Nhà Máy Trường Bình – đầu nguồn**
Tình trạng mẫu/ State of sample : **Đựng trong can nhựa/ Contained in a plastic jerrycan.**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCĐP 01:2022/LA
1.	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 3
2.	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/Amd1:2016	< 1	CFU/100mL	< 1
3.	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030A,E:2023 SMEWW 3113B:2023	Không phát hiện Not detected (LOD=0,002)	mg/L	0,01
4.	Clo dư tự do/ Free residual chlorine (*)	TCVN 6225-2:2021	0,28	mg/L	Trong khoảng In approx 0,2 – 1,0
5.	Độ đục/ Turbidity (*)	SMEWW 2130B:2023	Không phát hiện Not detected (LOD=0,15)	NTU	2
6.	Màu sắc/ Color (*)	SMEWW 2120C:2023	Không phát hiện Not detected (LOD=3)	TCU	15
7.	Mùi vị/ Taste, odor	SOP.01-436:2022 (Ref. TCVN 2653:1978, SMEWW 2150B, 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ No strange smell or taste	-	Không có mùi, vị lạ No strange smell or taste



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: **Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.**

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 11
Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/ No: 08586.2603/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.02619 2603

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.07368 2603

Trang/ Page: 2/ 2

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCDP 01:2022/LA
8.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,00	-	Trong khoảng In approx 6,0 – 8,5

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện/ LOD: Limit of Detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / LOQ: Limit of Quantitation. Kết quả được biểu thị < 1, < 10 CFU/đơn vị tính khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ The expression of results is less than 1 or less than 10 CFU/unit when the dish contains no colonies.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



ThS. Nguyễn Văn Tâm



PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 11

Date of issue: 15/07/2025

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**